

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

BỘ MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI LỚP: 12

TUẦN: 3,4/HK1 (từ 21/9/2021 đến 2/10/2021)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

I. Nhiệm vụ tự học, nguồn tài liệu cần tham khảo:

- Đọc SGK Bài 6 + 13
- Khai thác Atlas Địa lí Việt Nam các trang: 3, 4, 5, 6, 7, 10, 11, 13, 14.

II. Kiến thức cần ghi nhớ:

CHỦ ĐỀ 1: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM (tt)

Nội dung 2: ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN

I. Đất nước nhiều đồi núi

(Bài 6 + Bài 13)

1. Đặc điểm chung của địa hình :

a) Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.

- Đồi núi chiếm 3/4 diện tích, đồng bằng chiếm 1/4 diện tích.
 - + Địa hình đồng bằng và đồi núi thấp chiếm 85 % diện tích.
 - + Địa hình núi cao chỉ chiếm 1 % diện tích.

b) Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng.

- Địa hình già trẻ lại và có tính phân bậc rõ rệt.
- Địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.
- Cấu trúc gồm 2 hướng chính :
 - + Hướng Tây Bắc-Đông Nam; Từ hữu ngạn sông Hồng đến Bạch Mã.
 - + Hướng vòng cung: Vùng núi Đông Bắc và Trường Sơn Nam.

c) Địa hình vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

- Địa hình bị xói mòn, cắt xẻ rất mạnh.
- Miền núi hay xảy ra đất trượt, đá lở...

d) Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.

- Con người qua các hoạt động kinh tế làm đường giao thông, khai thác đá.... đã góp phần phá huỷ địa hình.
- Con người tạo ra nhiều địa hình nhân tạo như đê - đập, hồ chứa nước, kênh rạch, hầm mỏ,.....

2. Các khu vực địa hình :

a) Khu vực đồi núi:

* Địa hình núi được chia thành 4 vùng: Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam.

- Vùng núi Đông Bắc :

- + Giới hạn: Vùng núi phía tả ngạn sông Hồng.
- + Có 4 cánh cung lớn mở rộng về phía bắc và đông, chụm lại ở Tam Đảo
- + Độ cao: Chủ yếu là đồi núi thấp. Cao ở Tây Bắc và thấp xuống Đông Nam.

- Vùng núi Tây Bắc :

- + Giới hạn: Nằm giữa sông Hồng và sông Cả.
- + Có 3 dải địa hình cùng hướng Tây Bắc-Đông Nam.
- + Độ cao: Địa hình cao nhất nước ta.

- Vùng núi Trường Sơn Bắc :

- + Giới hạn: Từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã.
- + Hướng Tây Bắc - Đông Nam .
- + Gồm các dãy núi chạy song song và so le. Cao ở hai đầu, thấp ở giữa.

- Vùng núi Trường Sơn Nam :

- + Giới hạn: Từ dãy Bạch Mã tới cực Nam Trung Bộ.

+ Hướng vòng cung.

+ Gồm các khối núi cao đồ sộ nằm liền kề với dải đồng bằng hẹp ở phía đông. Còn phía tây là các cao nguyên khá bằng phẳng, có độ cao xếp tầng (500 m – 800 m – 1000 m).

* Địa hình bán bình nguyên và đồi trung du:

- Nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng nước ta.

- Bán bình nguyên thể hiện rõ nhất ở Đông Nam Bộ và rìa châu thổ Bắc Bộ.

- Địa hình đồi trung du hình thành chủ yếu do tác động của dòng chảy chia cắt các bậc thềm cổ.

III. BÀI TẬP:

CHỦ ĐỀ 1: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM (tt)

Nội dung 2: ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN

I. Đất nước nhiều đồi núi

(Bài 6 + Bài 13)

A. TỰ LUẬN:

Dựa vào *Atlas Địa lí Việt Nam*, trang 6 & 7 kết hợp với trang 10 và các trang 13, trang 14 em hãy hoàn thành các yêu cầu sau:

* **Bài tập 1** _ Trang 56 Sách Giáo Khoa:

a. Xác định vị trí của các dãy núi, cao nguyên:

a1. Xác định vị trí của các dãy núi:

Dãy núi	Vùng núi
Hoàng Liên Sơn	
Trường Sơn Bắc	
Trường Sơn Nam	
Hoành Sơn	
Bạch Mã	
Sông Gâm	
Ngân Sơn	
Bắc Sơn	
Đông Triều	

a2. Xác định vị trí của các cao nguyên:

Phân loại	Cao nguyên	Vùng núi
Đá vôi	Tà Phình	
	Sín Chải	
	Sơn La	
	Mộc Châu	
Ba dan	Đắk Lắk	
	Plây Ku	
	Mơ Nông	
	Di Linh	

b. Xác định vị trí của các đỉnh núi:

Vùng núi	Các đỉnh núi	Độ cao (m)	Vị trí	
			Dãy núi/ Khỗi núi/ Cao nguyên/ Sơn nguyên	Tỉnh
Tây Bắc	Phan xi Păng	3143		
	Khoan La San	1853		
Đông Bắc	Tây Côn Lĩnh	2419		
Trường Sơn Bắc	Pu Hoạt	2452		
	Pu Xai Lai Leng	2711		
	Rào Cỏ	2235		
	Hoành Sơn	1046		
	Bạch Mã	1444		
Trường Sơn Nam	Ngọc Linh	2598		
	Chư Yang Sin	2405		
	Lang Biang	2167		

c. Xác định vị trí của các dòng sông sau:

Sông	Vùng núi	Đồng bằng/ Bán bình nguyên
Sông Hồng		
Sông Chảy		
Sông Lô		
Sông Đà		
Sông Thái Bình		
Sông Mã		
Sông Cả		
Sông Hương		
sông Thu Bồn		
sông Trà Khúc		
sông Đà Rằng		
sông Đồng Nai		
sông Tiền		
sông Hậu		

*** Bài tập 2** Trang 56 Sách Giáo Khoa.: khuyến khích HS tự làm

(HS có thể vẽ các đối tượng được yêu cầu trong bài tập này vào lược đồ Việt Nam đã vẽ ở bài 3)

B. TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Đặc điểm nào sau đây chứng tỏ Việt Nam là đất nước nhiều đồi núi?

- A. Cấu trúc địa hình khá đa dạng.
- B. Địa hình đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ.
- C. Địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.
- D. Địa hình núi cao chiếm 1% diện tích lãnh thổ.

Câu 2: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình Việt Nam?

- A. Địa hình vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. Hầu hết là địa hình núi cao.
- C. Có sự phân bậc rõ rệt theo độ cao.
- D. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm chung của địa hình nước ta?

- A. Hướng núi chính là đông bắc - tây nam.
- B. Thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.
- C. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích.
- D. Chịu tác động mạnh mẽ của con người.

Câu 4: Hướng nghiêng chung của địa hình nước ta là

- A. bắc - nam.
- B. tây nam - đông bắc.
- C. tây - đông.
- D. tây bắc - đông nam.

Câu 5: Hướng tây bắc – đông nam của địa hình nước ta thể hiện rõ rệt trong khu vực

- A. Vùng núi Đông Bắc.
- B. Vùng núi Trường Sơn Nam.
- C. Từ hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.
- D. Từ phía nam dãy Bạch Mã đến mũi Cà Mau.

Câu 6: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

- A. đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
- B. có địa hình cao nhất nước ta.
- C. có 3 mạch núi lớn hướng tây bắc - đông nam.
- D. gồm các dãy núi liên kề với các cao nguyên.

Câu 7: Vùng núi Đông Bắc có vị trí

- A. nằm ở phía đông thung lũng sông Hồng.
- B. nằm giữa sông Hồng và sông Cả.
- C. nằm từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã.
- D. nằm ở phía nam dãy Bạch Mã.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Đông Bắc nước ta?

- A. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ.
- B. Thấp dần về phía đông bắc.
- C. Hướng núi chính vòng cung.
- D. Có nhiều cao nguyên badan.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Tây Bắc nước ta?

- A. Có các cao nguyên badan xếp tầng.
- B. Ở phía đông thung lũng sông Hồng.
- C. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn.
- D. Hướng chủ yếu tây bắc – đông nam.

Câu 10: Thung lũng sông tạo nên ranh giới giữa vùng núi Đông Bắc và vùng núi Tây Bắc là

- A. thung lũng sông Đà.
- B. thung lũng sông Hồng.
- C. thung lũng sông Lô.
- D. thung lũng sông Gâm.

Câu 11: Dãy núi Hoàng Liên Sơn nằm trong vùng núi nào?

- A. Trường Sơn Bắc.
- B. Trường Sơn Nam.
- C. Đông Bắc.
- D. Tây Bắc.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta?

- A. Có nhiều cao nguyên. C. Núi cao nhất cả nước.
B. Có hướng vòng cung. D. Thấp và hẹp ngang.

Câu 13: Vùng núi Trường Sơn Nam có đặc điểm là

- A. Địa hình núi thấp chiếm ưu thế.
B. Các dãy núi xen kẽ trong các thung lũng sông hướng Tây Bắc – Đông Nam.
C. Sự tương phản về địa hình giữa hai sườn Đông – Tây.
D. Các dãy núi có hình cánh cung mở ra phía Bắc.

Câu 14: Vùng núi có các bề mặt cao nguyên badan tương đối bằng phẳng, nằm ở các bậc độ cao khác nhau là

- A. Đông Bắc. B. Tây Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao hơn cả?

- A. Phia Ước. B. Phia Ya. C. Kiều Liêu Ti. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào cao nhất trong các núi sau đây?

- A. Braian. B. Bà Rá. C. Bi Doup. D. Lang Bian.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas Địa lí VN trang 13, cao nguyên nào dưới đây **không** thuộc vùng núi Tây Bắc.

- A. Tà Phình. B. Sín Chải. C. Mộc Châu. D. Lâm Viên.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào sau đây nằm trên cao nguyên Di Linh?

- A. Núi Nam Decbri. B. Núi Lang Bian. C. Núi Braian. D. Núi Chư Pha.

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc vùng Tây Bắc?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Pu Tha Ca. C. Phu Luông. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 20: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết dãy núi nào sau đây **không** thuộc vùng Tây Bắc?

- A. Con Voi. B. Pu Đen Đình. C. Pu Sam Sao. D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 21: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng vòng cung?

- A. Ngân Sơn.
B. Hoàng Liên Sơn.
C. Pu Đen Đình.
D. Trường Sơn Bắc.

IV. NỘI DUNG CHUẨN BỊ:

- Đọc SGK Bài 7 + 13

V. ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỰ LUYỆN:

CHỦ ĐỀ 1: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM (tt)

Nội dung 2: ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN

I. Đất nước nhiều đồi núi

(Bài 6 + Bài 13)

A. TỰ LUẬN

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, trang 6 & 7 kết hợp với trang 10 và các trang 13, trang 14 em hãy hoàn thành các yêu cầu sau:

*** Bài tập 1_ Trang 56 Sách Giáo Khoa:**

a. Xác định vị trí của các dãy núi, cao nguyên:

a1. Xác định vị trí của các dãy núi:

Dãy núi	Vùng núi
Hoàng Liên Sơn	Tây Bắc
Trường Sơn Bắc	Trường Sơn Bắc
Trường Sơn Nam	Trường Sơn Nam
Hoành Sơn	Trường Sơn Bắc
Bạch Mã	Trường Sơn Bắc
Sông Gâm	Đông Bắc
Ngân Sơn	Đông Bắc
Bắc Sơn	Đông Bắc
Đông Triều	Đông Bắc

a2. Xác định vị trí của các cao nguyên:

Phân loại	Cao nguyên	Vùng núi
Đá vôi	Tà Phình	Tây Bắc
	Sín Chải	Tây Bắc
	Sơn La	Tây Bắc
	Mộc Châu	Tây Bắc
Ba dan	Đăk Lăk	Trường Sơn Nam
	Plây Ku	Trường Sơn Nam
	Mơ Nông	Trường Sơn Nam
	Di Linh	Trường Sơn Nam

b. Xác định vị trí của các đỉnh núi:

Vùng núi	Các đỉnh núi	Độ cao (m)	Vị trí	
			Dãy núi/ Khối núi/ Cao nguyên/ Sơn nguyên	Tỉnh
Tây Bắc	Phan xi Păng	3143	Dãy núi Hoàng Liên Sơn	Lào Cai
	Khoan La San	1853	Dãy núi PuĐenĐinh	Điện Biên.
Đông Bắc	Tây Côn Lĩnh	2419	Khối núi thượng nguồn sông Chảy	Hà Giang.
Trường Sơn Bắc	Pu Hoạt	2452	Khối núi Pu Hoạt	Nghệ An
	Pu Xai Lai Leng	2711	Dãy núi Trường Sơn Bắc	Nghệ An
	Rào Cỏ	2235	Dãy núi Giăng Màn	Hà Tĩnh.
	Hoành Sơn	1046	Dãy núi Hoành Sơn	Hà Tĩnh.
	Bạch Mã	1444	Dãy núi Bạch Mã	Thừa Thiên Huế.
Trường Sơn Nam	Ngọc Linh	2598	Khối núi Kon Tum (Khối núi Trung Trung Bộ)	KonTum.
	Chư Yang Sin	2405	Cao nguyên Lâm Viên (Khối núi Cực Nam Trung Bộ)	Lâm Đồng.
	Lang Biang	2167		

c. Xác định vị trí của các dòng sông sau:

Sông	Vùng núi	Đồng bằng/ Bán bình nguyên
Sông Hồng	Tây Bắc	Đồng bằng sông Hồng
Sông Chảy	Đông Bắc	
Sông Lô	Đông Bắc	
Sông Đà	Tây Bắc	
Sông Thái Bình		Đồng bằng sông Hồng
Sông Mã	Tây Bắc	Đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ
Sông Cả	Trường Sơn Bắc	Đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ

Sông Hương	Trường Sơn Bắc	Đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ
sông Thu Bồn	Trường Sơn Nam	Đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ
sông Trà Khúc	Trường Sơn Nam	Đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ
sông Đà Rằng	Trường Sơn Nam	Đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ
sông Đồng Nai	Trường Sơn Nam	Bán bình nguyên Đông Nam Bộ
sông Tiền		Đồng bằng sông Cửu Long
sông Hậu		Đồng bằng sông Cửu Long

** Bài tập 2_Trang 56 Sách Giáo Khoa.: khuyến khích HS tự làm
(HS có thể vẽ các đối tượng được yêu cầu trong bài tập này vào lược đồ Việt Nam đã vẽ ở bài 3)*

B. TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	B	A	D	C	A	A	C	D	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	D	C	D	D	C	D	C	C	A
Câu	21									
Đáp án	A									

Nếu có thắc mắc HS liên hệ GVBM để được hỗ trợ.